Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8471.41.10

Mã HS	8471.41.10
Mô tả hàng hóa	Máy xử lý dữ liệu tự động và các khối chức năng của chúng; đầu đọc từ tính hoặc đầu đọc quang học, máy truyền dữ liệu lên các phương tiện truyền dữ liệu dưới dạng mã hóa và máy xử lý những dữ liệu này, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác / - Máy xử lý dữ liệu tự động khác: / - - Chứa trong cùng một vỏ có ít nhất một đơn vị xử lý trung tâm, một đơn vị nhập và một đơn vị xuất, kết hợp hoặc không kết hợp với nhau: / - - - Máy tính cá nhân trừ máy tính loại xách tay của phân nhóm 8471.30
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	07/11/2026 21:25:59
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84714110/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14321
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14321
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14321
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13663
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13604
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13604
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13604
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13604
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13604
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13604
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13658
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13658
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13658
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13658

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13658
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13658
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13659
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13659
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13659
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13659
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13659
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13659
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13662
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13610
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13618
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13618
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13618
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13618
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13618
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13618
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13649
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13649
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13649
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13649
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13649
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13649
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13698
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13698
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13698
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13698

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13698
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13698
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13681
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13681
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13681
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13681
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13681
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13681
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13681
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13681
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13681
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13681
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13681
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13681
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13696
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13696
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13696
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13696
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13696
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13696
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13695
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13695
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13695
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13695
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13695
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13695

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13675
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13675
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13675
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13675
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13675
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13675
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13675
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13683
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13683
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13683
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13683
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13683
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13683
RCEP B	2022	2022	0	B!D13683
RCEP B	2023	2023	0	B!E13683
RCEP B	2024	2024	0	B!F13683
RCEP B	2025	2025	0	B!G13683
RCEP B	2026	2026	0	B!H13683
RCEP B	2027	2027	0	B!I13683
RCEP C	2022	2022	0	C!D13683
RCEP C	2023	2023	0	C!E13683
RCEP C	2024	2024	0	C!F13683
RCEP C	2025	2025	0	C!G13683
RCEP C	2026	2026	0	C!H13683
RCEP C	2027	2027	0	C!I13683
RCEP D	2022	2022	0	D!D13682

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13682
RCEP D	2024	2024	0	D!F13682
RCEP D	2025	2025	0	D!G13682
RCEP D	2026	2026	0	D!H13682
RCEP D	2027	2027	0	D!I13682
RCEP E	2022	2022	0	E!D13686
RCEP E	2023	2023	0	E!E13686
RCEP E	2024	2024	0	E!F13686
RCEP E	2025	2025	0	E!G13686
RCEP E	2026	2026	0	E!H13686
RCEP E	2027	2027	0	E!I13686
RCEP F	2022	2022	0	F!D13683
RCEP F	2023	2023	0	F!E13683
RCEP F	2024	2024	0	F!F13683
RCEP F	2025	2025	0	F!G13683
RCEP F	2026	2026	0	F!H13683
RCEP F	2027	2027	0	F!I13683
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12700
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12700
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12700
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12700

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)		11/2018/TT-BTTTT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: KTCN về hiệu suất năng lượng và dán nhãn năng lượng (1725/QĐ-BCT 2024)		1725/QĐ-BCT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: SPHH lĩnh vực CNTT và VT bắt buộc phải công bố hợp quy (29/2025/TT-BKHCN-PL2)		29/2025/TT-BKHCN-PL	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8471.41 có 2 dòng thuế; dòng 8471.41.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Máy tính cá nhân trừ máy tính loại xách tay của phân nhóm 8471.30.	8471.41.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8471.41.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8471.41.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14321), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
KTCN về hiệu suất năng lượng và dán nhãn năng lượng (1725/QĐ-BCT 2024)
SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)
SPHH lĩnh vực CNTT và VT bắt buộc phải công bố hợp quy (29/2025/TT-BKHCN-PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.